

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN GUOTAI JUNAN (VIỆT NAM)

**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Tại thời điểm 31/12/2025



CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN GUOTAI JUNAN (VIỆT NAM)

Địa chỉ: P9-10, tầng 1, Charmvit Tower, Số 117 Trần Duy Hưng, Phường Yên Hòa, TP. Hà Nội

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH	06 - 17

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chúng tôi các thành viên Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Guotai Junan (Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”), trình bày Báo cáo của Ban Tổng giám đốc cùng với Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đã được kiểm toán tại thời điểm 31/12/2025.

Khái quát Chung về Công ty

Công ty Cổ phần Chứng khoán Guotai Junan (Việt Nam), (gọi tắt là “Công ty”), tiền thân là Công ty CP Chứng khoán VNS được thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 69/UBCK-GPHĐKD ngày 28/08/2007; Sau đó, Công ty CP Chứng khoán VNS được đổi tên thành Công ty CP Chứng khoán Đầu tư Việt Nam theo giấy phép điều chỉnh số 54/GPĐC-UBCK ngày 27/09/2011. Theo Giấy phép điều chỉnh số 55/GPĐC-UBCK ngày 16/07/2021 do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, Công ty CP Chứng khoán Đầu tư Việt Nam được đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Guotai Junan (Việt Nam), tên tiếng Anh là Guotai Junan Securities (Vietnam) Corp. và tên viết tắt là GTJA (Vietnam).

Công ty hoạt động theo Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty Chứng khoán số 45/GPĐC-UBCK ngày 20/12/2016, số 06/GPĐC-UBCK ngày 17/01/2018, số 30/GPĐC-UBCK ngày 17/5/2019, số 64/GPĐC-UBCK ngày 22/10/2019, số 104/GPĐC-UBCK ngày 22/11/202, số 02/GPĐC-UBCK ngày 16/01/2024, số 03/GPĐC-UBCK ngày 14/03/2025 và số 41/GPĐC-UBCK ngày 07/7/2025 do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Theo Giấy phép điều chỉnh số 03/GPĐC-UBCK ngày 14/03/2025 thì: Vốn điều lệ của Công ty là: 1.049.233.360.000 VND (*Một nghìn không trăm bốn mươi chín tỷ, hai trăm ba mươi ba triệu, ba trăm sáu mươi nghìn đồng*).

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát (Ủy ban kiểm toán) và Ban Tổng giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát (Ủy ban kiểm toán) và Ban Tổng giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 và đến ngày lập Báo cáo này, gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Wang Jun Hong

Ông Yim Fung

Ông Nguyễn Thanh Kỳ

Ông Huang Bo

Ông Wei Xi

Ban Tổng giám đốc

Ông Huang Bo

Ông Bùi Quang Kỳ

Ông Hoàng Anh

Ông Lu Xin

Bà Lê Thị Lan Hương

Ông Nguyễn Anh Tuấn

Ban Kiểm soát (ii)

Ông Lê Tất Thành (i)

Bà Hoàng Thị Thanh Hoa

Bà Shen Jing

Chức vụ

Chủ tịch

Thành viên không điều hành

Thành viên độc lập

Thành viên điều hành

Thành viên không điều hành (Miễn nhiệm ngày 24/04/2025)

Chức vụ

Tổng Giám đốc

Phó Tổng giám đốc

Giám đốc điều hành

Giám đốc tài chính (Bổ nhiệm ngày 27/02/2025)

Giám đốc tài chính (Miễn nhiệm ngày 27/02/2025)

Giám đốc Chi nhánh Hồ Chí Minh

Chức vụ

Trưởng ban (Miễn nhiệm ngày 21/10/2024)

Thành viên (Miễn nhiệm ngày 24/04/2025)

Thành viên (Miễn nhiệm ngày 24/04/2025)

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
(tiếp theo)

(i) Ông Lê Tất Thành nộp Đơn từ nhiệm vì lý do cá nhân ngày 21/10/2024 và được Đại hội đồng cổ đông chính thức thông qua ngày 24/04/2025.

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ.GJTA ngày 24/04/2025 thông qua phương án thay đổi mô hình tổ chức quản lý và hoạt động Công ty: Tổ chức quản lý và hoạt động công ty theo mô hình quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 137, Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 gồm Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, và Tổng Giám đốc.

(ii) Sau khi thành lập Ủy ban Kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Công ty không còn duy trì Ban Kiểm soát. Theo đó, các chức năng trước đây do Ban Kiểm soát thực hiện được chuyển giao cho Ủy ban Kiểm toán đảm nhiệm. Các thành viên của Ban Kiểm soát trước đây không còn giữ chức vụ này và nhiệm vụ, quyền hạn của họ theo đó chấm dứt.

Theo Nghị quyết số 15/2025/NQ-HĐQT-GTJAVN ngày 07/05/2025 của Hội đồng quản trị về việc thành lập Ủy ban kiểm toán của Công ty Cổ phần Chứng khoán Guotai Junan (Việt Nam) bao gồm:

Ủy ban Kiểm toán

Ông Nguyễn Thanh Kỳ	Chủ tịch
Ông Yim Fung	Thành viên
Ông Wang Jun Hong	Thành viên

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc đối với Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

Ban Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại thời điểm 31/12/2025 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tỷ lệ an toàn tài chính tại thời điểm 31/12/2025 và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Trong quá trình lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính, Ban Tổng giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các quy định tại Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13/11/2020 và Thông tư số 102/2025/TT-BTC ngày 20/10/2025 sửa đổi, bổ sung Thông tư 91/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc quy định các chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính.

Ban Tổng giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2025.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng giám đốc,

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN GUOTAI JUNAN (VIỆT NAM)



Huang Bo

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 17 tháng 03 năm 2026

Số: 1803.02-26/BC-TC/VAE

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Guotai Junan (Việt Nam)

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại thời điểm 31/12/2025 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Guotai Junan (Việt Nam) (gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 17 tháng 03 năm 2026, từ trang 06 đến trang 17 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại thời điểm 31/12/2025 phù hợp quy định tại Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13/11/2020 và Thông tư số 102/2025/TT-BTC ngày 20/10/2025 sửa đổi, bổ sung Thông tư 91/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định chi tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chi tiêu an toàn tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại thời điểm 31/12/2025 không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2025 được lập và trình bày phù hợp với các quy định của Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13/11/2020 và Thông tư số 102/2025/TT-BTC ngày 20/10/2025 sửa đổi, bổ sung Thông tư 91/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc quy định các chi tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chi tiêu an toàn tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

(tiếp theo)

Chính sách lập báo cáo và giới hạn sử dụng Báo cáo kiểm toán

Báo cáo này được lập nhằm tuân thủ quy định của Thông tư 91/2020/TT-BTC ngày 13/11/2020 và Thông tư số 102/2025/TT-BTC ngày 20/10/2025 sửa đổi, bổ sung Thông tư 91/2020/TT-BTC quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính. Vì thế, Báo cáo kiểm toán này và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính kèm theo có thể không phù hợp để sử dụng cho mục đích khác.



Ngô Bá Duy

Phó Tổng giám đốc – Giám đốc kiểm toán

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1107-2023-034-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Nguyễn Vũ Huy

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2327-2024-034-1



Số: 76 /CV-GTJAVN

V/v: Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

Hà Nội, ngày 17 tháng 03 năm 2026

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH
Tại thời điểm: 31/12/2025

Chúng tôi cam đoan rằng:

- (1) Báo cáo được xây dựng trên cơ sở số liệu được cập nhật tại ngày lập báo cáo theo đúng quy định tại Thông tư số 91/2025/TT-BTC quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 102/2025/TT-BTC.
- (2) Đối với những vấn đề có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty phát sinh sau ngày lập báo cáo này, chúng tôi sẽ cập nhật trong kỳ báo cáo tiếp theo;
- (3) Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và trung thực của nội dung báo cáo.

Kế toán trưởng


Nguyễn Ngọc Mai

Phụ trách bộ phận
Kiểm soát nội bộ


Dương Thu Hà

Tổng Giám đốc




Hoàng Bo

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm: 31/12/2025

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
		(1)	(2)	(3)
A	Vốn chủ sở hữu			
1	Vốn góp của chủ sở hữu không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	1.049.233.360.000		
2	Thặng dư vốn cổ phần không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	67.161.809.600		
3	Cổ phiếu quỹ	-		
4	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu - Cấu phần vốn	-		
5	Vốn khác của chủ sở hữu	-		
6	Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý	-		
7	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	1.169.366.013		
8	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	648.823.913		
9	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-		
10	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đã thực hiện	56.595.819.061		
11	Số dư dự phòng suy giảm giá trị tài sản	71.461.156.813		
12	Chênh lệch đánh giá lại tài sản cố định	-		
13	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-		
14	Các khoản nợ có thể chuyển đổi			-
15	Toàn bộ phần giảm đi hoặc tăng thêm của các chứng khoán tại chỉ tiêu đầu tư tài chính		3.226.945	143
16	Vốn khác (nếu có)	-		
1A	Tổng		1.246.267.108.598	
B	Tài sản ngắn hạn			
I	Tài sản tài chính			
1	Tiền và các khoản tương đương tiền			
2	Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)		-	
	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường		-	
	- Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng		-	
3	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)		-	
	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường		-	
	- Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng		-	
4	Các khoản cho vay		2.244.101.206	

228-C
G TY
M HỮU
VÀ ĐỊNH
NAM
- TP

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm: 31/12/2025

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
		(1)	(2)	(3)
5	Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)		-	
	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường		-	
	- Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng		-	
6	Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp		-	
7	Các khoản phải thu (Phải thu bán các tài sản tài chính; Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi từ các tài sản tài chính)		-	
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống		-	
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		-	
	- Phải thu còn hạn nhưng đối tác mất khả năng thanh toán		-	
8	Chứng quyền có bảo đảm chưa phát hành hết		-	
9	Chứng khoán cơ sở phục vụ mục đích phòng ngừa rủi ro khi phát hành chứng quyền có bảo đảm		-	
10	Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp		-	
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống		-	
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		92.710.405	
	- Phải thu còn hạn nhưng đối tác mất khả năng thanh toán		-	
11	Phải thu nội bộ		-	
	- Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống		-	
	- Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		-	
	- Phải thu còn hạn nhưng đối tác mất khả năng thanh toán		-	



BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm: 31/12/2025

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
		(1)	(2)	(3)
12	Phải thu về lỗi giao dịch chứng khoán			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống		-	
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		-	
	- Phải thu còn hạn nhưng đối tác mất khả năng thanh toán		-	
13	Các khoản phải thu khác			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống		-	
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		39.113.633.059	
	- Phải thu còn hạn nhưng đối tác mất khả năng thanh toán		-	
14	Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu		-	
II	Tài sản ngắn hạn khác			
1	Tạm ứng			
	- Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại từ 90 ngày trở xuống		-	
	- Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại trên 90 ngày		-	
	- Tạm ứng còn hạn nhưng đối tác mất khả năng thanh toán		-	
2	Vật tư văn phòng, công cụ dụng cụ		-	
3	Chi phí trả trước ngắn hạn		1.488.537.621	
4	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn		5.650.000	
5	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	
6	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	
7	Tài sản ngắn hạn khác		729.676.000	
8	Dự phòng suy giảm giá trị tài sản ngắn hạn khác		-	
1B	Tổng			43.674.308.291
C	Tài sản dài hạn			
I	Tài sản tài chính dài hạn			29.500.000.000
1	Các khoản phải thu dài hạn		-	
	Các khoản đầu tư		-	
	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	
	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường		-	
2.1	- Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng		-	
2.2	Đầu tư vào công ty con		-	
2.3	Đầu tư dài hạn khác		29.500.000.000	

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm: 31/12/2025

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
		(1)	(2)	(3)
<i>II</i>	<i>Tài sản cố định</i>		8.075.522.705	
<i>III</i>	<i>Bất động sản đầu tư</i>		-	
<i>IV</i>	<i>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</i>		-	
<i>V</i>	<i>Tài sản dài hạn khác</i>		17.148.450.815	
1	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn		1.043.696.100	
2	Chi phí trả trước dài hạn		1.693.639.332	
3	Tài sản thuê thu nhập hoãn lại		-	
4	Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán		14.411.115.383	
5	Tài sản dài hạn khác		-	
<i>VI</i>	<i>Các chỉ tiêu tài sản bị coi là khoản ngoại trừ, có ý kiến trái ngược hoặc từ chối đưa ra ý kiến tại báo cáo tài chính đã được kiểm toán, soát xét mà không bị tính giảm trừ theo quy định tại Điều 5</i>		-	
1C	Tổng			54.723.973.520
D	Các khoản ký quỹ, đảm bảo			
1	Giá trị ký quỹ			
1.1	Giá trị đóng góp vào quỹ hỗ trợ thanh toán của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam		-	
1.2	Giá trị đóng góp vào quỹ bù trừ của đối tác thanh toán trung tâm đối với vị thế mở của chính thành viên bù trừ		-	
1.3	Khoản ký quỹ bằng tiền và giá trị bảo lãnh thanh toán của ngân hàng khi phát hành chứng quyền có bảo đảm		-	
2	Giá trị tài sản dùng để bảo đảm cho nghĩa vụ của công ty chứng khoán và tổ chức, cá nhân khác		266.050.000.000	
1D	Tổng			266.050.000.000
	VỐN KHẢ DỤNG = 1A - 1B - 1C - 1D			881.818.826.787

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN GUOTAI JUNAN (VIỆT NAM) BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Địa chỉ: P9-10, tầng 1, Charmvit Tower, Số 117 Trần Duy Hưng, Phường Yên Hòa, TP. Hà Nội

Tại thời điểm 31/12/2025

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm: 31/12/2025

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO

A. GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Các hạng mục đầu tư		Hệ số rủi ro (%)	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
		(1)	(2)	(3) = (1) x (2)
I. Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ				-
1	Tiền mặt (VND) và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	-	9.352.323.692	-
2	Các khoản tương đương tiền	-	661.000.000.000	-
3	Giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng trên thị trường tiền tệ, chứng chỉ tiền gửi	-	70.000.000.000	-
II. Trái phiếu Chính phủ				-
4	Trái phiếu Chính phủ không trả lãi	-	-	-
5	Trái phiếu Chính phủ trả lãi suất cố định: Trái phiếu Chính phủ (bao gồm công trái và trái phiếu công trình đã phát hành trước đây), trái phiếu Chính phủ các nước thuộc khối OECD hoặc được bảo lãnh bởi Chính phủ hoặc Ngân hàng Trung ương của các nước thuộc khối này, trái phiếu được phát hành bởi các tổ chức quốc tế IBRD, ADB, IADB, AFDB, EIB và EBRD, Trái phiếu chính quyền địa phương.	3	-	-
III. Trái phiếu niêm yết và chưa niêm yết của tổ chức tín dụng				-
6	Trái phiếu tổ chức tín dụng có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	0	-	-
	Trái phiếu tổ chức tín dụng có thời gian đáo hạn còn từ 1 năm đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	3	-	-
	Trái phiếu tổ chức tín dụng có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 năm đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	5	-	-
	Trái phiếu tổ chức tín dụng có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	10	-	-
IV. Trái phiếu doanh nghiệp				-
7	Trái phiếu doanh nghiệp niêm yết			
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	0	-	-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 năm đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	5	-	-

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm: 31/12/2025

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Các hạng mục đầu tư		Hệ số rủi ro (%)	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
		(1)	(2)	(3) = (1) x (2)
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 năm đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	10	-	-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	15	-	-
	Trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết			
	Trái phiếu chưa niêm yết do doanh nghiệp niêm yết phát hành có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	5	-	-
	Trái phiếu chưa niêm yết do doanh nghiệp niêm yết phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 năm đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	10	-	-
	Trái phiếu chưa niêm yết do doanh nghiệp niêm yết phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 năm đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	20	-	-
	Trái phiếu chưa niêm yết do doanh nghiệp niêm yết phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	25	-	-
8	Trái phiếu chưa niêm yết do doanh nghiệp khác phát hành có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	15	-	-
	Trái phiếu chưa niêm yết do doanh nghiệp khác phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 năm đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	20	-	-
	Trái phiếu chưa niêm yết do doanh nghiệp khác phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 năm đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	30	-	-
	Trái phiếu chưa niêm yết do doanh nghiệp khác phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	35	-	-
	Liệt kê kết quả xếp hạng tín nhiệm đối với trái phiếu/tổ chức phát hành: - Nêu rõ tổ chức xếp hạng tín nhiệm, thời điểm công bố kết quả xếp hạng tín nhiệm và mức xếp hạng đối với trái phiếu/tổ chức phát hành.			
V. Cổ phiếu			284.950	48.085
9	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán	10	89.050	8.905

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm: 31/12/2025

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Các hạng mục đầu tư		Hệ số rủi ro (%)	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
		(1)	(2)	(3) = (1) x (2)
10	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các công ty đại chúng chưa niêm yết và đăng ký giao dịch qua hệ thống UpCom	20	195.900	39.180
11	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các công ty đại chúng đã đăng ký lưu ký, nhưng chưa niêm yết và đăng ký giao dịch; cổ phiếu đang trong đợt phát hành lần đầu (IPO)	30	-	-

VI. Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán				-
12	Quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng	10	-	-
13	Quỹ thành viên	50	-	-
14	Công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ	30	-	-
VII. Chứng khoán bị cảnh báo, kiểm soát, hạn chế giao dịch, tạm ngừng, đình chỉ, hủy niêm yết, hủy giao dịch			120.200	96.160
15	Chứng khoán bị cảnh báo	35	-	-
16	Chứng khoán bị kiểm soát	40	-	-
17	Chứng khoán bị tạm ngừng, hạn chế giao dịch	60	-	-
18	Chứng khoán bị đình chỉ giao dịch	70	-	-
19	Chứng khoán bị hủy niêm yết, hủy giao dịch	80	120.200	96.160
VIII. Chứng khoán phái sinh				-
20	Hợp đồng tương lai chỉ số cổ phiếu	8	-	-
21	Hợp đồng tương lai trái phiếu chính phủ	3	-	-
IX. Chứng khoán khác			21.325.400.000	17.060.320.000
22	Cổ phiếu niêm yết trên các thị trường nước ngoài thuộc chỉ số đạt chuẩn/các chỉ số được liệt kê tại Phụ lục VIII	25	-	-
23	Cổ phiếu niêm yết trên các thị trường nước ngoài không thuộc các chỉ số đạt chuẩn/các chỉ số được liệt kê tại Phụ lục VIII	100	-	-
24	Chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	8	-	-
25	Giao dịch chênh lệch giá	2	-	-
26	Cổ phần, phần vốn góp, các loại chứng khoán khác và các tài sản đầu tư khác	80	21.325.400.000	17.060.320.000
27	Chứng quyền có bảo đảm do công ty chứng khoán phát hành		-	-



CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN GUOTAI JUNAN (VIỆT NAM) BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Địa chỉ: P9-10, tầng 1, Charmvit Tower, Số 117 Trần Duy Hưng, Phường Yên Hòa, TP. Hà Nội

Tại thời điểm 31/12/2025

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm: 31/12/2025

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Các hạng mục đầu tư		Hệ số rủi ro (%)	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
		(1)	(2)	(3) = (1) x (2)
28	Chứng khoán hình thành từ hoạt động phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền có bảo đảm do công ty chứng khoán đã phát hành (trường hợp chứng quyền có bảo đảm không có lãi)			-
29	Phần chênh lệch dương giữa giá trị chứng khoán cơ sở dùng để phòng ngừa rủi ro và giá trị chứng khoán cơ sở cần thiết để phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền có bảo đảm			-
IX. Rủi ro tăng thêm (nếu có) (được xác định trên cơ sở vốn chủ sở hữu đã trích lập đầy đủ các khoản dự phòng)				-
	Mã chứng khoán	Mức tăng thêm	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
A. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (A= I+II+III+IV+V+VI+VII+VIII+IX)				17.060.464.245

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm: 31/12/2025

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

B. GIÁ TRỊ RỦI RO THANH TOÁN

	<i>Giá trị rủi ro</i>
Rủi ro trước thời hạn thanh toán (<i>Thuyết minh 1</i>)	45.354.491.360
Rủi ro quá thời hạn thanh toán (<i>Thuyết minh 2</i>)	-
Rủi ro từ các khoản tạm ứng, hợp đồng, giao dịch khác (<i>Thuyết minh 3</i>)	-
Rủi ro tăng thêm (<i>Thuyết minh 4</i>)	11.542.270.507
Tổng giá trị rủi ro thanh toán	56.896.761.867

1. Rủi ro trước thời hạn thanh toán

Hệ số rủi ro	Giá trị rủi ro (VND)						Tổng giá trị rủi ro	
	0%	0,8%	3,2%	4,8%	6%	8%		
Loại hình giao dịch	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)		
1	Tiền gửi có kỳ hạn, chứng chỉ tiền gửi, các khoản tiền cho vay không có tài sản bảo đảm, các khoản phải thu từ hoạt động kinh doanh chứng khoán và các khoản mục tiềm ẩn rủi ro thanh toán khác	-	-	-	-	45.354.491.360	-	45.354.491.360
2	Cho vay tài sản tài chính/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-
3	Vay tài sản tài chính/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-
4	Hợp đồng mua tài sản tài chính có cam kết bán lại/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-
5	Hợp đồng bán tài sản tài chính có cam kết mua lại/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-
TỔNG RỦI RO TRƯỚC THỜI HẠN THANH TOÁN								45.354.491.360

2. Rủi ro quá thời hạn thanh toán

	Thời gian quá hạn	Hệ số rủi ro (%)	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
1	Từ 0 đến 15 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	16	-	-
2	Từ 16 đến 30 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	32	-	-
3	Từ 31 đến 60 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	48	-	-
4	Trên 60 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	100	-	-
TỔNG RỦI RO QUÁ THỜI HẠN THANH TOÁN				-

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm: 31/12/2025

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

3. Rủi ro từ các khoản tạm ứng, hợp đồng, giao dịch khác

TT	Chi tiết tới từng đối tượng	Hệ số rủi ro (%)	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
1	Các hợp đồng, giao dịch, các khoản sử dụng vốn ngoài các giao dịch, hợp đồng được ghi nhận ở các điểm a, b, c, d, đ, e, g khoản 1 Điều 10; các hợp đồng cam kết mua lại, bán lại chứng khoán hoặc các hợp đồng có tính chất tương tự trừ các hợp đồng quy định tại điểm c, d khoản 1 Điều 10; các khoản phải thu từ mua bán nợ với đối tác giao dịch không phải Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC), Công ty trách nhiệm hữu hạn mua bán nợ Việt Nam (DATC):		-	-
	- Hợp đồng, thoả thuận đặt cọc mua bất động sản, các thoả thuận kinh tế có cùng bản chất	150%	-	-
	- Các khoản cho vay, phải thu khách hàng khác không thuộc điểm đ, g khoản 1 Điều 10	150%	-	-
	- Các hợp đồng, giao dịch khác	100%	-	-
	- Khoản tạm ứng		-	-
	+ Chiếm từ 0% đến 2% vốn chủ sở hữu tại thời điểm tính toán	8%	-	-
	+ Chiếm trên 2% đến dưới 5% vốn chủ sở hữu tại thời điểm tính toán	50%	-	-
	+ Chiếm từ 5% trở lên vốn chủ sở hữu tại thời điểm tính toán	100%	-	-
TỔNG RỦI RO HỢP ĐỒNG, GIAO DỊCH KHÁC				-

4. Rủi ro tăng thêm

TT	Chi tiết tới từng đối tác	Hệ số rủi ro	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
1	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	30%	26.568.511.397	7.970.553.419
2	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	20%	17.858.585.442	3.571.717.088
TỔNG RỦI RO TĂNG THÊM				11.542.270.507

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNHTại thời điểm: 31/12/2025
(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

C. GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG

	Chỉ tiêu	Giá trị
I	Tổng chi phí hoạt động phát sinh trong vòng 12 tháng	89.408.687.274
II	Các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí (Thuyết minh 1)	12.103.415.422
III	Tổng chi phí sau khi giảm trừ (III=I-II)	77.305.271.852
IV	25% Tổng chi phí sau khi giảm trừ (IV=25%III)	19.326.317.963
V	20% Vốn điều lệ tối thiểu cho các nghiệp vụ kinh doanh của tổ chức kinh doanh chứng khoán	50.000.000.000
TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG (Max{IV,V})		50.000.000.000

1. Các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí

Chi phí khấu hao

Giá trị

2.663.050.790

Chi phí dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp

-

Chi phí chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ

(121.850)

Chi phí lãi vay

9.440.486.482

12.103.415.422**III. BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU RỦI RO VÀ VỐN KHẢ DỤNG**

STT	Các chỉ tiêu	Giá trị rủi ro / Vốn khả dụng	Ghi chú (nếu có)
1	Tổng giá trị rủi ro thị trường	17.060.464.245	
2	Tổng giá trị rủi ro thanh toán	56.896.761.867	
3	Tổng giá trị rủi ro hoạt động	50.000.000.000	
4	Tổng giá trị rủi ro (4=1+2+3)	123.957.226.112	
5	Vốn khả dụng	881.818.826.787	
6	Tỷ lệ an toàn vốn khả dụng (6=5/4)	711%	

Hà Nội, ngày 17 tháng 03 năm 2026

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN GUOTAI JUNAN (VIỆT NAM)

Kế toán trưởng

Phụ trách bộ phận

Tổng Giám đốc

Kiểm soát nội bộ

Nguyễn Ngọc Mai

Dương Thu Hà

Huang Bo

